Mẫu số 1

Đơn xin nhận Tiền trợ cấp học bổng cho học sinh THPT

令和8年8月25日

○○**高等学校学校長** (Kính gửi hiệu trưởng trường THPT)

Tôi xin đăng ký nhận Tiền trợ cấp học bổng cho học sinh THPT như sau:

Điền vào phần chữ in đậm.

Ghi ngày nộp đơn.

【1】Người đăng ký

Phụ huynh 1	Katakana	カナガワ　タロウ	Mối quan hệ với học sinh	☑Cha ☐Mẹ ☐Người giám hộ ☐Cha mẹ nuôi là người giám hộ ☐Người trụ cột tài chính ☐Chính học sinh ☐Khác ( )
	Họ tên	神奈川　太郎		
	Địa chỉ	〒XXX-XXXX 神奈川県横浜市○○区▲▲1-2-3-405	SĐT liên lạc ban ngày	090-1234-5678
Phụ huynh 2	Katakana	カナガワ　ハナコ	Mối quan hệ với học sinh	☐Cha ☑Mẹ ☐Người giám hộ ☐Cha mẹ nuôi là người giám hộ ☐Người trụ cột tài chính ☐Chính học sinh ☐Khác ( )
	Họ tên	神奈川　花子		

Ghi tên, địa chỉ của người đăng ký và số điện thoại liên lạc ban ngày.
Đánh dấu vào ô mối quan hệ của quý vị với học sinh.
Nếu có phụ huynh/ người giám hộ khác, ghi tên người đó ở mục Phụ huynh 2.

【2】Loại đăng ký

Trợ cấp thông thường	☐	①Hộ nhận trợ cấp sinh hoạt (nhận Trợ cấp nghề nghiệp vào ngày 1/7)
	☑	②Hộ miễn thuế cư trú
	☐	③Hộ có tổng thuế tỉnh dân・thị dân theo thu nhập năm tài chính 2026: ¥100 ~ ¥105,499
	☐	④Hộ có tổng thuế tỉnh dân・thị dân theo thu nhập năm tài chính 2026: ¥105,500 ~ ¥182,499
Thu nhập giảm đột ngột	☐	Hộ có thu nhập của phụ huynh giảm đột ngột

Bất kể là hộ nhận trợ cấp đời sống, nếu nộp đơn theo loại ②, hộ đó phải hoàn trả Tiền trợ cấp học bổng.

Đánh dấu vào ô loại đăng ký của quý vị.

【3】Tình trạng học sinh THPT hoặc tương đương

Katakana	カナガワ　ジロウ	Ngày sinh	☐Heisei ☑Dương lịch	2009年8月1日	
Họ tên	神奈川　次郎				
Trường đang học	Tên trường	神奈川県立○○高等学校	Hệ	☑Toàn thời gian ☐Bán thời gian ☐Từ xa	Năm thứ 2 年
	Thời gian học	Từ 1/4/2025 ～Đến 31/3/2028			

Thời gian học tại trường THPT trước đây	Tên trường	Thời gian học	Hệ	Số lần đã nhận trợ cấp
		～		☐Không ☐1 lần ☐2 lần ☐3 lần ☐4 lần ☐Không rõ
	Tên trường	Thời gian học	Hệ	Số lần đã nhận trợ cấp
		～		☐Không ☐1 lần ☐2 lần ☐3 lần ☐4 lần ☐Không rõ

Ghi họ tên, ngày sinh của học sinh THPT hoặc tương đương và tên trường, hệ, năm học, thời gian học tính đến ngày 1/7.

Nếu học sinh từng học trường THPT khác, hãy ghi vào đây.

【4】Quốc tịch / tư cách lưu trú

☑	① Quốc tịch Nhật Bản
☐	② Người vĩnh trú đặc biệt
☐	③Người vĩnh trú
☐	④ Vợ/chồng hoặc con của người Nhật
☐	⑤ Vợ/chồng hoặc con của người vĩnh trú
☐	⑥ Người định cư, có ý định vĩnh trú tại Nhật
☐	⑦ Lưu trú gia đình, đã tốt nghiệp tiểu học và THCS tại Nhật, và có ý định làm việc, sinh sống tại Nhật sau khi tốt nghiệp THPT
☐	⑧ Khác (trừ học sinh mới năm tài chính 2026 có tư cách “Du học”)

Đánh dấu vào ô quốc tịch / tư cách lưu trú.

(Chỉ ghi nếu thuộc ④–⑧) Ngày hết hạn lưu trú	Năm	Tháng	Ngày

Nếu không có ý định như vậy ở ⑥ hoặc ⑦, hãy chọn ⑧.
Với ⑧, học sinh mới năm tài chính 2026 có tư cách lưu trú “Du học” **không được nhận** trợ cấp này.

【5】Tài khoản nhận tiền

Tài khoản	Tên ngân hàng		Ngân hàng/ Shinkin Quỹ tín dụng / JA	Mã ngân hàng				Tên chi nhánh		Trụ sở chính/ Chi nhánh Phòng giao dịch	Mã chi nhánh			
	ゆうちょ			9	9	0	0	○○○			1	2	3	
	Loại tài khoản	Thường / Vãng lai / Tiết kiệm	Số tài khoản	2	3	4	5	6	7	Chủ tài khoản (người đăng ký)	カナガワ　タロウ			

Ghi tài khoản ngân hàng đứng tên người đăng ký.

【Dành cho tỉnh】

保護者１所得割額	保護者２所得割額	所得割合算額（★）
支給決定額	学校充当額	申請者入金額

全日・定時		通信	
★=0円⇒143,700円		★=0円⇒50,500円	生活保護
0＜★＜105,500円⇒47,900円		0＜★＜105,500円⇒16,830円	32,300円
105,500円≦★＜182,500円⇒35,930円		105,500円≦★＜182,500円⇒12,630円	

Không cần ghi

Đơn trợ cấp thông thường: mẫu ví dụ

【6】Giấy tờ nộp kèm đơn này.

○Về giấy tờ có thể xác nhận việc nhận Hỗ trợ sinh kế hoặc tình trạng thuế

Tình trạng thu nhập	Giấy tờ nộp	Ghi chú
□ Hộ nhận trợ cấp đời sống	Chứng nhận trợ cấp đời sống	Giấy chứng nhận nhận trợ cấp đời sống do Văn phòng Phúc lợi cấp từ ngày 1/7 trở đi
☑ Không nhận trợ cấp đời sống	Giấy chứng nhận chịu thuế (miễn thuế) v.v.. của những người sau:	
	☑ ①Hai cha mẹ có quyền nuôi con	Học sinh chưa thành niên (dưới 18 tuổi) và có hai cha mẹ có quyền nuôi con ※Cần của cả hai người, kể cả khi một người làm việc xa nhà
	□ ②Một cha/mẹ có quyền nuôi con	Chỉ có một cha/mẹ có quyền nuôi con (ly hôn, qua đời v.v..) Có hai cha mẹ, nhưng không thể nộp giấy tờ của một người vì bạo lực gia đình, bỏ bê con, mất tích, v.v..
	□ ③Người giám hộ hợp pháp	Không có cha mẹ có quyền nuôi con, và đã có người giám hộ được chỉ định ※Nếu có nhiều người được chỉ định, cần giấy tờ của tất cả
	□ ④Hai người trụ cột tài chính	Học sinh đã thành niên khi đang đi học, và người nuôi dưỡng học sinh không thay đổi từ trước khi thành niên đến thời điểm đăng ký
	□ ⑤Một người trụ cột tài chính	Học sinh chưa thành niên nhưng không có cha mẹ có quyền nuôi con hay người giám hộ Học sinh đã thành niên khi nhập học, và có người trụ cột tài chính Học sinh đã thành niên và khi chưa thành niên chỉ có một cha/mẹ có quyền nuôi con Học sinh đã thành niên và khi chưa thành niên không có cha mẹ hay người giám hộ v.v..
	□ ⑥Chính học sinh	Không có cha mẹ, người giám hộ hay người trụ cột tài chính, và học sinh đã thành niên v.v..

Đánh dấu vào ô tình trạng thu nhập của quý vị.

Đánh dấu vào ô tình trạng phụ huynh.

Không nộp các giấy tờ ở bảng trên vì lý do sau.

□	Đối tượng kiểm tra thu nhập là chính học sinh (không có cha mẹ, người giám hộ hay người trụ cột tài chính), nhưng học sinh chưa thành niên và không có đủ thu nhập để phải nộp thuế cư trú tỉnh hoặc thành phố theo thu nhập.

Đánh dấu vào ô nếu phù hợp.

○Về giấy tờ có thể xác nhận quốc tịch/ tư cách lưu trú v.v..

Quốc tịch / tư cách lưu trú	Giấy tờ nộp	Ghi chú
☑ Quốc tịch Nhật Bản	Bản sao Giấy chứng nhận cư trú (bản gố	
□ Người vĩnh trú đặc biệt	・Bản sao Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt ・Bản sao Giấy chứng nhận cư trú (bản gốc) chọn một	・Bản photo Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt ・Giấy chứng nhận cư trú phải có ghi quốc tịch, tư cách lưu trú v.v..
□ Người vĩnh trú □ Vợ/chồng hoặc con của người Nhật □ Vợ/chồng hoặc con của người vĩnh trú □ Định cư □ Du học (trừ học sinh mới)	・Bản sao Thẻ lưu trú ・Bản sao Giấy chứng nhận cư trú (bản gốc) chọn một	・Bản photo Thẻ lưu trú ・Giấy chứng nhận cư trú phải có ghi quốc tịch, tư cách lưu trú, thời hạn lưu trú v.v.. ※Với người Vĩnh trú, Giấy chứng nhận cư trú không cần ghi thời hạn lưu trú. ※Người định cư: người có ý định vĩnh trú tại Nhật trong tương lai.
□ Lưu trú gia đình	・Bản sao Thẻ lưu trú ・Bản sao Giấy chứng nhận cư trú (bản gốc) chọn một **Và,** một trong các giấy tờ sau Của trường tiểu học và THCS Nhật Bản: ・Bản sao văn bằng ・Bản gốc giấy chứng nhận tốt nghiệp chọn một	・Bản photo Thẻ lưu trú ・Giấy chứng nhận cư trú phải ghi quốc tịch, tư cách lưu trú, thời hạn lưu trú, v.v. ※"Tiểu học/THCS" gồm cả trường giáo dục đặc biệt (tiểu học/THCS), trường giáo dục bắt buộc, và giai đoạn đầu của trường trung học liên cấp. ※Chỉ người có ý định làm việc và ở lại Nhật sau khi tốt nghiệp THPT.

Đánh dấu vào ô quốc tịch / tư cách lưu trú.

Nếu đồng ý với nội dung sau, hãy đánh dấu vào □.

□	Tôi đồng ý cho dùng giấy chứng nhận thuế, bản sao Thẻ lưu trú, v.v. đã nộp cho Tiền hỗ trợ học phí THPT để xét đơn xin Tiền trợ cấp học bổng này.

Đánh dấu vào ô nếu quý vị đồng ý.

【7】Cam kết và ủy quyền

Tôi xác nhận các nội dung sau và cam kết (ủy quyền). **Tên người đăng ký 神奈川 太郎**

・Thông tin trong đơn này là đúng sự thật. Nếu có thông tin sai, tôi sẽ hoàn trả ngay toàn bộ số tiền khi Ủy ban Giáo dục tỉnh Kanagawa yêu cầu.
・**Tôi không nộp đơn xin trợ cấp này ở tỉnh nào khác ngoài Kanagawa.**
・Tính đến ngày 1/7※, học sinh không hưởng công quỹ chi trả cho trẻ em được chăm sóc theo Luật Phúc lợi Trẻ em (chi phí tham quan học tập hoặc chi phí nuôi dưỡng đặc biệt, trừ học sinh ở cơ sở hỗ trợ mẹ và con).
※Với đơn do thu nhập giảm đột ngột: ngày 1 của tháng sau tháng xảy ra sự việc.
・**(Chi hộ miễn thuế) Vào ngày 1/7, tôi không nhận trợ cấp sinh hoạt (Trợ cấp nghề nghiệp cho chi phí đi học THPT).**
・**(Chỉ khi người đăng ký là người trụ cột tài chính)** Tôi và học sinh có quan hệ tương đương người nuôi dưỡng và người phụ thuộc theo Luật Bảo hiểm Y tế, v.v.
・Nếu có khoản phí nộp cho trường (ngoài học phí) chưa nộp, tôi ủy quyền cho hiệu trưởng dùng Tiền trợ cấp học bổng tôi nhận được để trả.
(Lưu ý) Các trường ngoài trường tỉnh lập Kanagawa thay phần gạch chân ở trên bằng nội dung sau.
(Vì đã ủy quyền cho hiệu trưởng, tôi ủy quyền chi trả Tiền trợ cấp học bổng cho hiệu trưởng.)

Đọc nội dung, rồi người đăng ký ký tên tại đây. Thiếu chữ ký thì không thể chi trả.

【Dành cho trường】

学校受付印

次のことについて確認しました。

（□（通常給付の場合）令和８年７月１日現在、 □（家計給付の場合）令和　年　月　日現在、）本校の（□全日制 □定時制 □通信制）課程に在学します。

（　　）の受給資格を有する（補助要件を満たす）者です。

学校の名称

学校長の氏名

職印

学校の電話番号

Không cần ghi